

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 11/11/2020

V/v: Tranh chấp đất đai theo quy định  
của pháp luật về đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Trường

2. Ông Lê Duy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 21/10/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K, địa chỉ: Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng N (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 9 năm 2020)

**- Bị đơn:** Ông Ngô K

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Lệ T

Anh Nguyễn Văn K

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

**- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N**

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K có mặt tại phiên tòa; Ủy ban nhân dân xã Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ngô K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2010, bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện M xét duyệt cấp một Lô đất theo diện khó khăn, không có chỗ ở tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã Đ và bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước khi được Nhà nước giao đất. Năm 2012, bà đăng ký và được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>, loại đất ONT, ngày 12/11/2012, số phát hành BK 987778, tọa lạc tại thôn A, xã Đ, huyện M. Tuy nhiên vì điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nên bà chưa thể xây dựng nhà.

Đến tháng 6 năm 2019, ông Ngô K là người có nhà ở liền kề với thửa đất 186 mà bà được cấp (nhà ông Ngô Khuyên xây dựng là trái phép, đang bị UBND xã xử lý) đã tự ý xây dựng chuồng bò, chôn trụ bê tông và rào bao lán chiếm của bà 62,1m<sup>2</sup>. Bà đã nhiều lần gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã Đ để yêu cầu xử lý hành vi xây dựng trái phép và chiếm đất bất hợp pháp của ông Ngô K nhưng ông Ngô Khuyên cho rằng thửa đất 186 là nằm trong phần đất cha, mẹ ông khai hoang trước đây nay ông lấy lại. Ủy ban nhân dân xã Đức H đã nhiều lần gửi giấy mời ông Khuyên đến làm việc nhưng ông bất hợp tác nên Ủy ban nhân dân xã không thể hòa giải được.

Nay bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M giải quyết buộc ông Ngô K, bà Trần Thị Lệ T phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm của bà, trả lại diện tích đất cho bà là 62,1m<sup>2</sup>; phần đất có giới cận cụ thể như sau: Cạnh phía Đông giáp đất của bà có số đo 23,94m; cạnh phía Tây giáp đất hiện nay ông Ngô K đang quản lý có số đo 22,56m; cạnh phía Nam giáp đường Bê tông có số đo 5,52m; cạnh phía Bắc giáp đất ranh giới đất bà và ông K.

*\* Tại đơn bản tự khai ngày 02/6/2020 bị đơn ông Ngô K trình bày:* Hiện nay ông đang ở thửa đất 133, tờ bản đồ số 3, tại khu dân cư số 23, thôn A, xã Đức H. Nguồn gốc thửa đất là gia đình ông khai hoang trước năm 1980 để trồng hoa màu. Năm 2005 ông lập gia đình thì mẹ và các anh chị em ông đã cho ông. Năm 2008 ông có xin chính quyền địa phương cấp đất cho ông nhưng chính quyền địa

phương không cấp. Năm 2009 ông làm nhà ở có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp. Tháng 6/2019 ông chặt phá bờ rào củ xây dựng tường gạch trụ bê tông đúng như ranh giới trước đây. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm để trả lại cho bà T diện tích đất mà bà T yêu cầu, ông không đồng ý, vì phần đất hiện nay bà T tranh chấp là phần đất của ông.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ T trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Ngô K; ngoài ra bà không có trình bày gì khác.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày:* Nguyên thừa đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị T được Nhà nước xem xét cấp đất cho mẹ anh (bà Nguyễn Thị T) và được bà T nộp tiền thuê nên thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã Đ là của riêng bà Nguyễn Thị Th nên anh không có quyền lợi và liên quan gì đến vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

\* *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ cho rằng:* Bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện M giao đất để xây dựng nhà ở thuộc quy hoạch khép kín khu dân cư xã Đ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>. Nguồn gốc đất vợ chồng ông Ngô K đang quản lý, sử dụng là đất lấn chiếm của Ủy ban nhân dân xã Đ đang quản lý nhưng ông K chưa được cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho ông K.

\* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến cho rằng:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện theo đúng quy định của Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Ngô K và bà Trần Thị Lệ T Phải trả cho bà Nguyễn Thị T phần diện tích 62,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, xã Đức H, huyện M, tỉnh Quảng N.

Buộc ông Ngô K, bà Trần Thị Lệ T phải tháo dỡ tường rào xây dựng có chiều dài 19.97m để trả lại diện tích đất 62,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N cho bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 25/02/2020, các yêu cầu sửa đổi bổ sung, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô K, bà Trần Thị Lệ T phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm của bà, trả lại diện

tích đất cho bà là 62,1m<sup>2</sup>. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”.

[1.2] Việc khởi kiện của nguyên đơn về “Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất”. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Ngô K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Ngô K, bà Trần Thị Lệ T phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm của bà, trả lại diện tích đất cho bà là 62,1m<sup>2</sup> tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Ngày 14/10/2011 Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 365/QĐ- UBND về việc giao đất để xây dựng nhà ở cho bà Nguyễn Thị T với diện tích 186,0m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; giới cận: Đông giáp thửa đất số 187, tây giáp thửa đất số 122 và thửa đất số 133, nam giáp đường đi, bắc giáp thửa đất số 108.

[2.1.2] Ngày 19/3/2012 Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành lập biên bản giao đất cho hộ gia đình và cá nhân xây dựng nhà ở cho bà Nguyễn Thị T, như sau: Tổng diện tích giao 186,0m<sup>2</sup>, lô đất số 20 thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 03, đo vẽ mới năm 2004, bộ địa chính xã Đ; giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 187 có số đo 33m, tây giáp thửa đất số 122 và thửa đất số 133 có số đo 30m, nam giáp đường đi có số đo 7,5m, bắc giáp thửa đất số 108 có số đo 5,2m.

[2.1.3] Ngày 30/7/2012, bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 03, đo vẽ mới năm 2004, bộ địa chính xã Đ với diện tích 186m<sup>2</sup>.

[2.1.4] Ngày 07/11/2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M kiểm tra hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T và xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.1.5] Ngày 09/11/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M thẩm tra hồ sơ và có tờ trình số 809/TTr-TNMT đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị T.

[2.1.6] Ngày 12/11/2012 Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà

Nguyễn Thị T thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>, địa chỉ thừa đất tại thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

[2.1.7] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và bản đồ địa chính thừa đất ngày 22/6/2020 phần diện tích 62,1m<sup>2</sup> đất hiện nay đang tranh chấp nằm trong thừa đất 186, tờ bản đồ số 3.

[2.1.8] Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ thì bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức giao đất để xây dựng nhà ở thuộc quy hoạch khép kín khu dân cư xã Đ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 tại thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>. Nguồn gốc đất vợ chồng ông Ngô K đang quản lý, sử dụng là đất lấn chiếm của Ủy ban nhân dân xã Đ đang quản lý nhưng ông K chưa được cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho ông K.

[2.1.9] Tại công văn số 725/UBND-NC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức cho rằng: Hộ bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức giao đất để xây dựng nhà ở tại Quyết định số 365/QĐ- UBND ngày 14/10/2011 thuộc quy hoạch khép kín khu dân cư xã Đức Hiệp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2012 thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 186m<sup>2</sup>. Sau khi giao đất cho bà Nguyễn Thị T thì UBND xã Đ tiến hành đóng mốc và giao đất ngoài thực địa cho bà Thẻ quản lý, sử dụng đến nay, phần giao đất cho bà T không nằm trong phần đất của ông Ngô K. Nguồn gốc đất ông Khuyến đang sử dụng là đất lấn chiếm của Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý nhưng chưa được cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Phần phần diện tích đất tranh chấp 62,1m<sup>2</sup> thuộc thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T vào ngày 12/11/2012.

[2.1.10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thẻ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Buộc ông Ngô K và bà Trần Thị Lệ T Phải trả cho bà Nguyễn Thị T phần diện tích 62,1m<sup>2</sup> đất thuộc thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Phần đất này có giới cận như sau:

Phía Đông giáp với đất của bà Nguyễn Thị T, từ điểm M1M2, có số đo 23,94m;

Phía Tây giáp với đất ông Ngô K hiện nay đang quản lý, sử dụng, từ điểm M2M3, có số đo 22,56m;

Phía Nam giáp đường bê tông, từ điểm M1 M3, có số đo 5,52m;

Phía Bắc giáp phần đất thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3 và phần đất hiện nay ông K đang quản lý, sử dụng từ điểm M2

Buộc ông Ngô K, bà Trần Thị L Thị phải tháo dỡ tường rào xây dựng có chiều dài 19.97m để trả lại diện tích đất 62,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thừa đất số 186, tờ bản đồ số 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N cho bà Nguyễn Thị T.

Phần diện tích đất buộc ông Ngô K và bà Trần Thị Lệ T trả lại cho bà Nguyễn Thị T và đoạn tường rào phải tháo dỡ, dỡ dọn, có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án.

[2.2] Đối với ý kiến của bị đơn ông Ngô K cho rằng phần diện tích đất 62,1m<sup>2</sup> hiện nay đang tranh chấp là của ông nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ tường rào, trả lại đất nên bị đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Thửa đất bị đơn xây dựng nhà ở thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có diện tích 818,5m<sup>2</sup> (trong đó có phần đất tranh chấp 62,1m<sup>2</sup>) hiện nay bị đơn đang quản lý nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay công nhận đất cho bị đơn.

[2.2.2] Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đức H thì nguồn gốc đất vợ chồng ông Ngô Khuyên đang quản lý, sử dụng là đất lấn chiếm của Ủy ban nhân dân xã Đức H đang quản lý nhưng ông K chưa được cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho ông K.

[2.2.3] Tại công văn số 725/UBND-NC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức cho rằng: Nguồn gốc đất ông K đang sử dụng là đất lấn chiếm của Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý nhưng chưa được cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất tranh chấp 62,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T vào ngày 12/11/2012.

[2.2.4] Ngày 13/7/2020 Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu bị đơn giao nộp bổ sung chứng cứ phần diện tích đất 62,1m<sup>2</sup> hiện đang tranh chấp là của bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

[2.2.5] Từ những nhận định trên, ông Ngô K cho rằng phần đất 62,1m<sup>2</sup> hiện nay đang tranh chấp là của ông nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ tường rào, trả lại đất nên bị đơn không đồng ý là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đo đạc đất số tiền là 8.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu số tiền 8.000.000 đồng, bà Thẻ đã nộp xong.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Ngô K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 166, 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1.1. Buộc ông Ngô K, bà Trần Thị Lệ T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T 62,1m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Phần diện tích có giới cận như sau:

Phía Đông giáp với đất của bà Nguyễn Thị T, từ điểm M1M2, có số đo 23,94m;

Phía Tây giáp với đất ông Ngô K hiện nay đang quản lý, sử dụng, từ điểm M2M3, có số đo 22,56m;

Phía Nam giáp đường bê tông, từ điểm M1 M3, có số đo 5,52m;

Phía Bắc giáp phần đất thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3 và phần đất hiện nay ông Khuyên đang quản lý, sử dụng từ điểm M2;

1.2. Buộc ông Ngô K, bà Trần Thị Lệ T phải tháo dỡ tường rào xây dựng có chiều dài 19.97m để trả lại diện tích đất 62,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N cho bà Nguyễn Thị T.

Phần diện tích đất buộc ông Ngô K và bà Trần Thị Lệ T trả lại cho bà Nguyễn Thị T và đoạn tường rào phải tháo dỡ, dỡ dọn, có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đo đạc đất số tiền là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), bà T đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002621 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng N.

Ông Ngô K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Minh Vương**